CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92, đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: (0236) 3 639 639 - **Fax:** (0236) 3 639 638
Email: atax@atax.vn - **Website:** www.atax.vn
VPĐD tại TP HCM: Tòa nhà Indochina, Số 4, Nguyễn Đình Chiểu, Q1, TP HCM

BẢN SAO

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017

"Chất lượng tạo nên sự khác biệt"

MỤC LỤC

NỘI DUNG		TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC		1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN		2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN	(MẪU B01 – H)	4 – 6
BÁO CÁO THU – CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH	(MẪU B03 – H)	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ	(MẪU B04 – H)	8 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	(MẪU B06 – H)	11 – 13
PHỤ LỤC 1		14 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 như sau:

Ban Giám đốc:

Ông Trần Lê Hải Đảo	Giám đốc
Ông Võ Sỹ Trúc Linh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trung tâm trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Trung tâm sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
QUẢNG NAM

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ - ATAX
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92 đường 30 tháng 4, Đà Nẵng
Tel: 0236. 3639 639 * Fax: 0236. 3639 638
Website: www.atax.vn
VPĐD: Lầu 4, Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Q1, Tp. HCM
Tel: 028.62556668 * Fax: 028.22200823

Số: 159 - TC18/BC-ATAX *Đà Nẵng, ngày 27 tháng 12 năm 2018*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31/12/2017 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn (sau đây gọi tắt là "Trung tâm"), được lập tại ngày 18/12/2018, từ trang 04 đến trang 13, bao gồm Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Báo cáo tài chính của Trung tâm Tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 chưa được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập nào. Chúng tôi không thể xác nhận được tính đúng đắn của số dư các tài khoản tại ngày 01/01/2017 bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác.

2. Công ty chưa đối chiếu, xác nhận các khoản công nợ tại ngày 31/12/2017, gồm: Phải thu khách hàng, Người mua trả tiền trước, Phải trả người bán và Trả trước cho người bán với số tiền lần lượt là 44.439.750 VND; 478.830.041 VND; 423.440.185 VND và 202.859.477 VND. Chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế để đảm bảo tính trung thực, hợp lý của các khoản công nợ trên và xác định ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính của Trung tâm.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX

Kiểm toán viên	**Phó Tổng Giám đốc**
Nguyễn Thị Bích Lý	**Võ Thị Thu**
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán	*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số: 3236-2015-105-1	*Số: 1702-2018-105-1*

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01-H

Đơn vị: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	A. Các tài khoản trong bảng						
111	**Tiền mặt**	**212.486.574**	**-**	**8.980.647.753**	**8.983.918.738**	**209.215.589**	**-**
1111	Tiền Việt Nam	212.486.574	-	8.980.647.753	8.983.918.738	209.215.589	-
112	**Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc**	**7.642.764.846**	**-**	**10.923.802.197**	**11.457.503.079**	**7.109.063.964**	**-**
1121	Tiền Việt Nam	7.642.764.846	-	10.923.802.197	11.457.503.079	7.109.063.964	-
211	**TSCĐ hữu hình**	**1.183.033.008**	**-**	**128.481.818**	**783.769.317**	**527.745.509**	**-**
2112	Máy móc, thiết bị	483.519.927	-	-	303.298.612	180.221.315	-
2113	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	170.000.000	-	-	170.000.000	-	-
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	529.513.081	-	128.481.818	310.470.705	347.524.194	-
213	**TSCĐ vô hình**	**39.065.000**		-	23.000.000	**16.065.000**	-
214	**Hao mòn TSCĐ**	**-**	**952.402.985**	**658.752.809**	**167.069.426**	**-**	**460.719.602**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	920.587.985	643.752.809	166.319.426	-	443.154.602
2142	Hao mòn TSCĐ vô hình	-	31.815.000	15.000.000	750.000	-	17.565.000
311	**Các khoản phải thu**	**-**	**2.514.885.866**	**11.541.189.660**	**10.193.699.825**	**969.445.750**	**2.136.841.781**
3111	Phải thu của khách hàng	-	2.403.798.692	11.322.003.368	10.053.165.847	969.445.750	2.104.406.921
3118	Phải thu khác	-	111.087.174	160.031.666	81.379.352	-	32.434.860
312	**Tạm ứng**	**554.066.758**		**3.000.000**	**557.066.758**	-	-
331	**Các khoản phải trả**	**-**	**3.283.028.555**	**7.520.830.800**	**6.814.524.818**	**1.904.551.876**	**4.481.274.449**
3311	Phải trả người cung cấp	-	1.050.580.708	919.048.000	89.048.000	202.859.477	423.440.185
3318	Phải trả khác	-	2.232.447.847	6.601.782.800	6.725.476.818	1.701.692.399	4.057.834.264

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01-H
Đơn vị: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
332	**Các khoản phải nộp theo lương**	**25.039.045**	**367.195**	**348.322.407**	**372.994.257**	-	-
3321	Bảo hiểm xã hội	21.639.652	-	267.437.706	289.077.358	-	-
3322	Bảo hiểm y tế	-	367.195	42.868.334	42.501.139	-	-
3323	Kinh phí công đoàn	3.367.287	-	18.963.774	22.331.061	-	-
3324	Bảo hiểm thất nghiệp	32.106	-	19.052.593	19.084.699	-	-
333	**Các khoản phải nộp nhà nước**	**1.000.000**	**320.303.896**	**1.070.603.652**	**1.310.472.156**	-	**559.172.400**
3331	Thuế GTGT phải nộp	-	215.120.596	889.603.652	1.016.942.030	-	342.458.974
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	-	*215.120.596*	889.603.652	1.016.942.030	-	*342.458.974*
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	105.183.300	180.000.000	291.530.126	-	216.713.426
3338	Các khoản phải nộp khác	1.000.000	-	1.000.000	2.000.000	-	-
334	**Phải trả công chức, viên chức**	**13.029.158**	-	**999.559.550**	**1.012.588.708**	-	-
342	**Thanh toán nội bộ**	-	**23.465.447**	23.465.447	-	-	-
421	**Chênh lệch thu, chi chưa xử lý**	-	**710.184.710**	**2.203.560.963**	**1.493.376.253**	-	-
4212	Chênh lệch thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	710.184.710	2.203.560.963	1.493.376.253	-	-

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01-H
Đơn vị: VND

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
431	**Các quỹ**	**29.823.000**	**1.913.500.012**	**610.185.007**	**1.956.656.689**	-	**3.230.148.694**
4311	Quỹ khen thưởng	-	42.856.135	80.000.000	267.431.500	-	230.287.635
4312	Quỹ phúc lợi	29.823.000	-	239.646.000	322.431.500	-	52.962.500
4313	Quỹ ổn định thu nhập	-	533.156.607	290.539.007	267.431.500	-	510.049.100
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	1.044.493.216	-	386.211.522	-	1.430.704.738
4315	Quỹ Cải cách tiền lương	-	292.994.054	-	713.150.667	-	1.006.144.721
466	**Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ**	-	**118.780.022**	**118.780.022**	-	-	-
531	**Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh**	-	-	**10.551.042.667**	**10.551.042.667**	-	-
631	**Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh**	60.764.546	-	**9.231.009.863**	**9.291.774.409**	-	-
643	**Chi phí trả trước**	75.846.753	-	**183.735.028**	**127.512.543**	**132.069.238**	-
	Cộng	**9.836.918.688**	**9.836.918.688**	**65.096.969.643**	**65.096.969.643**	**10.868.156.926**	**10.868.156.926**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bé
Kế toán Trưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN - QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 18 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2017

MẪU B03-H
Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang (*)**	**01**	
2	**Thu trong kỳ**	**02**	**10.551.042.667**
	Lũy kế từ đầu năm	03	10.551.042.667
3	**Chi trong kỳ**	**04**	**9.186.820.584**
	Trong đó:		
	Giá vốn hàng bán	05	6.673.683.724
	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	2.513.136.860
	Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-
	Lũy kế từ đầu năm	08	9.186.820.584
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này**	**09**	**1.364.222.083**
	Lũy kế từ đầu năm	10	1.364.222.083
5	**Nộp NSNN kỳ này**	**11**	**291.530.126**
	Lũy kế từ đầu năm	12	291.530.126
6	**Nộp cấp trên kỳ này**	**13**	-
	Lũy kế từ đầu năm	14	-
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**	**15**	-
	Lũy kế từ đầu năm	16	-
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**	**17**	**1.072.691.957**
	Lũy kế từ đầu năm	18	1.072.691.957
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ**	**19**	-

Hồ Thị Thúy Quỳnh	**Nguyễn Thị Bé**	**Trần Lê Hải Đảo**
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 18/12/2018

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 2017

Mẫu B04 - H
Đơn vị: VND

STT	- Loại tài sản cố đinh - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Tài sản cố định hữu hình**			**1.183.033.008**		**128.481.818**		**783.769.317**		**527.745.509**
I.1	**Nhà cửa, vật kiến trúc**			-		-		-		-
I.2	**Máy móc, thiết bị**			**483.519.927**		-		**303.298.612**		**180.221.315**
1	Máy toàn đạc điện tử GTS 236 N	Cái	1	96.300.000	-	-	-	-	1	96.300.000
2	Máy in A3 HP 5200 phòng Kthuật	Cái	1	22.285.860	-	-	-	-	1	22.285.860
3	Máy phát điện	Cái	2	21.136.364	-	-	1	2.500.000	1	18.636.364
4	Mua máy Photocopy Toshiba	Cái	2	70.000.000	-	-	1	40.000.000	1	30.000.000
5	Máy in A3 Canoon 3500	Cái	1	12.999.091	-	-			1	12.999.091
6	Ổn áp	Cái	2	3.478.000	-	-	2	3.478.000	-	-
7	Máy in laser HP A4	Cái	2	7.797.952	-	-	2	7.797.952	-	-
8	Linh kiện CPU	Cái	3	5.355.000	-	-	3	5.355.000	-	-
9	Bộ đàm, gương sào Topcom	Cái	1	14.800.000	-	-	1	14.800.000	-	-
10	Nâng cấp máy vi tính	Cái	-	812.295	-	-	-	812.295	-	-
11	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2	7.808.182	-	-	2	7.808.182	-	-
12	Sửa chữa lớn TSCĐ kết chuyển vào CP năm 2009	Cái	-	97.033.000	-	-	-	97.033.000	-	-
13	Máy in A4 Canon LBP 3300	Cái	4	13.800.001	-	-	4	13.800.001	-	-
14	Máy thủy bình Topcon	Cái	1	9.600.000	-	-	1	9.600.000	-	-
15	Máy điều hoà nhiệt độ	Cái	6	68.405.093	-	-	6	68.405.093	-	-
16	UPS	Cái	4	3.709.089	-	-	4	3.709.089	-	-
17	Màn hình máy vi tính	Cái	1	2.063.636	-	-	1	2.063.636	-	-
18	Máy kinh vĩ Nikon NT -2CD	Cái	1	14.500.000	-	-	1	14.500.000	-	-
19	Máy fax	Cái	1	2.636.364	-	-	1	2.636.364	-	-
20	Thiết bị âm thanh hội trường	Cái	1	9.000.000	-	-	1	9.000.000	-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu B04 - H
Đơn vị: VND

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I.3	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**			**170.000.000**		-		**170.000.000**		-
1	Xe ôtô con ACCOR93	Xe	1	170.000.000	-	-	1	170.000.000	-	-
I.4	**Thiết bị quản lý**			**529.513.081**		**128.481.818**		**310.470.705**		**347.524.194**
1	Máy điều hòa	Bộ	9	100.572.181			4	29.983.818	5	70.588.363
2	Đèn chiếu Panasonic, phông màng	Bộ	1	15.503.367	-	-	-	-	1	15.503.367
3	Salon gỗ	Bộ	1	12.272.727	-	-	-	-	1	12.272.727
4	Mua loa thùng phòng họp	Bộ	-	-	1	6.318.182	1	6.318.182	-	-
5	Bàn gỗ dài +18 ghế gỗ phòng họp	Bộ	-	-	1	79.000.000	1	79.000.000	-	-
6	Máy vi tính để bàn	Bộ	13	121.268.612			10	83.945.236	3	37.323.376
7	Máy vi tính xách tay	Bộ	13	177.390.907	2	43.163.636	1	8.718.182	14	211.836.361
8	Tủ đựng hồ sơ	Bộ	9	27.136.364	-	-	9	27.136.364	-	-
9	Bàn vi tính	Bộ	3	1.200.000	-	-	3	1.200.000	-	-
10	Bàn làm việc	Bộ	6	15.799.591	-	-	6	15.799.591	-	-
11	Ghế xoay dây	Bộ	3	2.000.073	-	-	3	2.000.073	-	-
12	Bàn họp (1x2)	Bộ	2	4.818.182	-	-	2	4.818.182	-	-
13	Ghế chân quỳ	Bộ	26	11.778.232	-	-	26	11.778.232	-	-
14	Két sắt đựng tiền	Bộ	1	3.100.000	-	-	1	3.100.000	-	-
15	Bàn ghế	Bộ	9	28.272.845	-	-	9	28.272.845	-	-
16	Bình lọc nước	Bộ	4	8.400.000	-	-	4	8.400.000	-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

Năm 2017

Mẫu B04 - H
Đơn vị: VND

STT	- Loại tài sản cố đinh - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Số đầu năm		Tăng trong năm		Giảm trong năm		Số cuối năm	
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
II	**Tài sản cố định vô hình**			**39.065.000**		-		**23.000.000**		**16.065.000**
1	Phần mềm thiết kế đường NOVA	Bộ	2	25.065.000	-	-	1	9.000.000	1	16.065.000
2	Phần mềm tính tiên lượng STCAD	Bộ	1	3.000.000	-	-	1	3.000.000	-	-
3	Phần mềm dự toán XDCB	Bộ	3	9.000.000	-	-	3	9.000.000	-	-
4	Phần mềm dự toán	Bộ	2	2.000.000	-	-	2	2.000.000	-	-
	Tổng Cộng			**1.222.098.008**		**128.481.818**		**806.769.317**		**543.810.509**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bé
Kế toán Trưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 18 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B06-H**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã điện bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lập dự án đầu tư công trình
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Thiết kế quy hoạch
- Thiết kế xây dựng công trình
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình
- Giám sát thi công xây dựng công trình
- Khảo sát xây dựng công trình

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trung tâm áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hệ thống sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp, Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B06-H**

3. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp theo)

Khung thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình được xác định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 áp dụng cho doanh nghiệp.

	Năm 2017 (Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền phần mềm.

4. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

III. THÔNG TIN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Các chỉ tiêu chi tiết

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017
A	B	C	1	2
I	**Tiền**	**01**	**7.855.251.420**	**7.318.279.553**
	- Tiền mặt tồn quỹ		212.486.574	209.215.589
	- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc		7.642.764.846	7.109.063.964
II	**Vật tư tồn kho**	**11**	-	-
III	**Nợ phải thu**	**21**	-	**2.873.997.626**
	- Phải thu của khách hàng		-	969.445.750
	- Phải thu khác		-	1.701.692.399
	- Trả trước cho người bán		-	202.859.477
IV	**Nợ phải trả**	**31**	**5.797.914.421**	**6.618.116.230**
	- Khách hàng ứng trước		2.403.798.692	2.104.406.921
	- Phải trả người cung cấp		1.050.580.708	423.440.185
	- Phải trả khác		2.343.535.021	4.090.269.124

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B06-H**

2. Tình hình tăng giảm các quỹ

TT	Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ ổn định thu nhập	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ Cải cách tiền lương	Tổng số
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Số dư tại 01/01/2017	42.856.135	(29.823.000)	533.156.607	1.044.493.216	292.994.054	1.883.677.012
2	Số tăng trong kỳ	267.431.500	322.431.500	267.431.500	386.211.522	713.150.667	1.956.656.689
3	Số giảm trong kỳ	80.000.000	239.646.000	290.539.007	-	-	610.185.007
4	**Số dư tại ngày 31/12/2017**	**230.287.635**	**52.962.500**	**510.049.100**	**1.430.704.738**	**1.006.144.721**	**3.230.148.694**

3. Tình hình thực hiện nộp NSNN và cấp trên

TT	Chỉ tiêu	Số phải nộp tại 01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp tại ngày 31/12/2017
		VND	VND	VND	VND
I	**Nộp ngân sách**				
	- Thuế môn bài	(1.000.000)	2.000.000	1.000.000	-
	- Thuế GTGT	215.120.596	1.016.942.030	889.603.652	342.458.974
	- Thuế TNDN	105.183.300	291.530.126	180.000.000	216.713.426
II	**Nộp cấp trên**	-	-	-	-
	Cộng	**319.303.896**	**1.310.472.156**	**1.070.603.652**	**559.172.400**

IV. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày 31/12/2017, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 4311/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh do Trung tâm lập và chưa được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán nào.

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 18/12/2018

PHỤ LỤC 01

Bản cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn được chuyển đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**10.192.277.179**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4.902.539.553**
1. Tiền	111	V.1a	1.391.297.778
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	3.511.241.775
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.415.740.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.415.740.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.873.997.626**
1. Phải thu của khách hàng	131		969.445.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		202.859.477
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.701.692.399
IV. Hàng tồn kho	**140**		-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**215.160.145**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-
II. Tài sản cố định	**220**		-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	-
- Nguyên giá	222		126.300.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(126.300.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**215.160.145**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		215.160.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**10.407.437.324**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**7.970.587.865**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**7.970.587.865**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.4	423.440.185
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.5	2.104.406.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	559.172.400
4. Phải trả người lao động	314	V.7	510.049.100
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	4.090.269.124
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		283.250.135
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.436.849.459**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.436.849.459**
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.430.704.738
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.006.144.721
II. Nguồn kinh phí và quĩ khác	**430**		**-**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**10.407.437.324**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 18/12/2018

THUYẾT MINH BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

1. Thông tin khái quát

Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trụ sở của Trung tâm đóng tại số Ngã tư Điện ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Trung tâm thực hiện hoạt động chuẩn bị mặt bằng nói chung và kinh tế tổng hợp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trung tâm không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm diễn ra bình thường, không có gì ảnh hưởng bến Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Trung tâm là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trung tâm trình bày lại Báo cáo tài chính năm 2017 theo hướng dẫn Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Trung tâm và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất mà giá gốc của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thoả mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Xác định nguyên giá trong một số trường hợp sau đây:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

	Năm 2017
	(Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

5. Nguyên tắc nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Trung tâm, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trung tâm có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: (1) phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. (3) doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. (4) Trung tâm đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng. (5) xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Trung tâm tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a. Tiền

	Tại ngày 31/12/2017
	VND
Tiền mặt	209.215.589
Tiền gửi ngân hàng	1.182.082.189
Cộng	**1.391.297.778**

b. Các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2017
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng	3.511.241.775
Cộng	**3.511.241.775**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2017 (VND)	
	Giá gốc	GT ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2.415.740.000	2.415.740.000
Cộng	2.415.740.000	2.415.740.000

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 31/12/2017	**126.300.000**	**126.300.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại ngày 31/12/2017	**126.300.000**	**126.300.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại ngày 31/12/2017	-	-

4. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Tư vấn đầu tư PT& XD Hà Nội (THIKECO)	72.742.000	72.742.000
Viện Kiến trúc Nhiệt đới	164.350.000	164.350.000
Phạm Ngọc Sang	98.036.069	98.036.069
Nguyễn Văn Linh	57.400.000	57.400.000
Các đối tượng khác	30.912.116	30.912.116
Cộng	**423.440.185**	**423.440.185**

5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2017 VND
BQL dự án Khu TĐC Làng Chài phường Cẩm An	203.730.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Bàn	239.000.000
Công ty Cổ phần Phú Gia Thịnh	721.658.000
Công ty CP Smart	394.059.500
Các đối tượng khác	545.959.421
Cộng	**2.104.406.921**

6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	342.458.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.713.426
Cộng	**559.172.400**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Phải trả người lao động

	Tại ngày 31/12/2017
	VND
Quỹ ổn định thu nhập	510.049.100
Cộng	**510.049.100**

8. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2017
	VND
Nợ phải trả các khoản chi phí khoán thực hiện công trình	4.057.834.264
Các khoản phải trả khác (dư có TK 1388)	32.434.860
Cộng	**4.090.269.124**

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay
	VND
Giám đốc Trần Lê Hải Đảo	657.534.271
Phó Giám đốc Võ Sỹ Trúc Linh	683.768.212
Cộng	**1.341.302.483**

(*) Thu nhập của Ban Giám đốc bao gồm cả lương và các công việc thực hiện theo quy chế khoán của Trung tâm.

2. Những sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày 31/12/2017, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Quyết định số 4311/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 18/12/2018

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN NGỌC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 0000109 Quyển: 01 Ngày 06-11-2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Sáu

ATAX Audit

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92, đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: (0236) 3 639 639 - **Fax:** (0236) 3 639 638
Email: atax@atax.vn - **Website:** www.atax.vn
VPĐD tại TP HCM: Tòa nhà Indochina, Số 4, Nguyễn Đình Chiểu, Q1, TP HCM

BẢN SAO

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

LƯU A.TAX

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2018 ĐẾN 30/06/2018

"Chất lượng tạo nên sự khác biệt"

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TẠI NGÀY 30/06/2018	4 – 6
BÁO CÁO THU – CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2018 ĐẾN 30/06/2018	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/01/2018 ĐẾN 30/06/2018	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 11
PHỤ LỤC 1	12 – 18

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện bàn đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 như sau:

Ban Giám đốc:

Ông Trần Lê Hải Đảo	Giám đốc
Ông Võ Sỹ Trúc Linh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trung tâm trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Trung tâm sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN THUẾ - ATAX
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92 đường 30 tháng 4, Đà Nẵng
Tel: 0236. 3639 639 * Fax: 0236. 3639 638
Website. www.atax.vn
VPĐD: Lầu 4, Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Q1, Tp. HCM
Tel: 028.62556668 * Fax: 028.62200823

Số: 164 - TC19/BC-ATAX

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn (sau đây gọi tắt là "Trung tâm"), được lập tại ngày 25/03/2019, từ trang 04 đến trang 11, bao gồm Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 30/06/2018 với số tiền là 22.192.396 VND, vì tại thời điểm đó, chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thỏa mãn tính hiện hữu và tính đúng đắn của tài sản trên tại ngày 30/06/2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX

Kiểm toán viên

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X

Nguyễn Thị Bích Lý
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3236-2015-105-1

Võ Thị Thu
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1702-2018-105-1

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B01-H

Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/01/2018		Số phát sinh		Số dư tại 30/06/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	A. Các tài khoản trong bảng						
111	**Tiền mặt**	**209.215.589**	-	**2.258.018.307**	**2.445.041.500**	**22.192.396**	-
1111	Tiền Việt Nam	209.215.589	-	2.258.018.307	2.445.041.500	22.192.396	-
112	**Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc**	**7.109.063.964**	-	**3.124.641.133**	**4.316.902.380**	**5.916.802.717**	-
1121	Tiền Việt Nam	7.109.063.964	-	3.124.641.133	4.316.902.380	5.916.802.717	-
211	**TSCĐ hữu hình**	**527.745.509**	-	**13.454.545**	**297.474.222**	**243.725.832**	-
2112	Máy móc, thiết bị	180.221.315	-	13.454.545	137.222.224	56.453.636	-
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	347.524.194	-	-	160.251.998	187.272.196	-
213	**TSCĐ vô hình**	**16.065.000**		**10.000.000**	**16.065.000**	**10.000.000**	-
214	**Hao mòn TSCĐ**	-	**460.719.602**	**302.136.496**	**11.425.909**	-	**170.009.015**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	444.654.602	286.071.496	11.425.909	-	170.009.015
2142	Hao mòn TSCĐ vô hình	-	16.065.000	16.065.000	-	-	-
311	**Các khoản phải thu**	**969.445.750**	**2.136.841.781**	**1.305.579.886**	**2.288.845.776**	**788.066.000**	**2.938.727.921**
3111	Phải thu của khách hàng	969.445.750	2.104.406.921	856.586.000	1.872.286.750	788.066.000	2.938.727.921
3113	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	37.133.946	37.133.946	-	-
31131	*Thuế GTGT được khấu trừ của HH, DV*	-	-	37.133.946	37.133.946	-	-
3118	Phải thu khác	-	32.434.860	411.859.940	379.425.080	-	-
331	**Các khoản phải trả**	**1.904.551.876**	**4.481.274.449**	**2.005.837.839**	**964.430.438**	**1.711.007.601**	**3.246.322.773**
3311	Phải trả người cung cấp	202.859.477	423.440.185	728.709.185	508.128.477	-	-
3318	Phải trả khác	1.701.692.399	4.057.834.264	1.277.128.654	456.301.961	1.711.007.601	3.246.322.773

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B01-H
Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/01/2018		Số phát sinh		Số dư tại 30/06/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
332	**Các khoản phải nộp theo lương**	-	-	**156.226.648**	**156.226.648**	-	-
3321	Bảo hiểm xã hội	-	-	122.343.362	122.343.362	-	-
3322	Bảo hiểm y tế	-	-	17.710.440	17.710.440	-	-
3323	Kinh phí công đoàn	-	-	8.301.540	8.301.540	-	-
3324	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	7.871.307	7.871.307	-	-
333	**Các khoản phải nộp nhà nước**	-	**559.172.400**	**632.329.390**	**78.871.456**	-	**5.714.466**
3331	Thuế GTGT phải nộp	-	342.458.974	420.330.430	77.871.456	-	-
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	-	*342.458.974*	420.330.430	*77.871.456*	-	-
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	216.713.426	210.998.960	-	-	5.714.466
3338	Các khoản phải nộp khác	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-
334	**Phải trả công chức, viên chức**	-	-	**439.456.438**	**439.456.438**	-	-
3341	Phải trả công chức, viên chức	-	-	439.456.438	439.456.438	-	-
421	**Chênh lệch thu, chi chưa xử lý**	-	-	**197.014.930**	-	**197.014.930**	-
4212	Chênh lệch thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	-	-	197.014.930	-	197.014.930	-
431	**Các quỹ**	-	**3.230.148.694**	**646.287.635**	-	-	**2.583.861.059**
4311	Quỹ khen thưởng	-	230.287.635	230.287.635	-	-	-
4312	Quỹ phúc lợi	-	52.962.500	51.000.000	-	-	1.962.500
4313	Quỹ ổn định thu nhập	-	510.049.100	365.000.000	-	-	145.049.100
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	1.430.704.738	-	-	-	1.430.704.738
4315	Quỹ Cải cách tiền lương	-	1.006.144.721	-	-	-	1.006.144.721

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B01-H
Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/01/2018		Số phát sinh		Số dư tại 30/06/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
531	**Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh**	-	-	**1.009.578.877**	**1.009.578.877**	-	-
5313	Thu hoạt động tư vấn KHCN	-	-	1.009.578.877	1.009.578.877	-	-
631	**Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh**	-	-	**1.587.074.004**	**1.587.074.004**	-	-
63133	Chi hoạt động Tư vấn KHCN	-	-	1.587.074.004	1.587.074.004	-	-
643	**Chi phí trả trước**	**132.069.238**	-	-	**76.243.480**	**55.825.758**	-
	Cộng	**10.868.156.926**	**10.868.156.926**	**13.687.636.128**	**13.687.636.128**	**8.944.635.234**	**8.944.635.234**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bé
Kế toán Trưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

MẪU B03-H
Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang (*)**	**01**	
2	**Thu trong kỳ**	**02**	**1.009.578.877**
	Lũy kế từ đầu năm	03	1.009.578.877
3	**Chi trong kỳ**	**04**	**1.206.593.807**
	Trong đó:		
	Giá vốn hàng bán	05	1.010.239.574
	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	196.354.233
	Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-
	Lũy kế từ đầu năm	08	1.206.593.807
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này**	**09**	**(197.014.930)**
	Lũy kế từ đầu năm	10	(197.014.930)
5	**Nộp NSNN kỳ này**	**11**	-
	Lũy kế từ đầu năm	12	-
6	**Nộp cấp trên kỳ này**	**13**	-
	Lũy kế từ đầu năm	14	-
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**	**15**	-
	Lũy kế từ đầu năm	16	-
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**	**17**	**(197.014.930)**
	Lũy kế từ đầu năm	18	(197.014.930)
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ**	**19**	-

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 25/03/2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến 30/06/2018

Mẫu B04 - H
Đơn vị: VND

STT	- Loại tài sản cố đinh - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Tại ngày 01/01/2018		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Tại ngày 30/06/2018	
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Tài sản cố định hữu hình**			**527.745.509**		**13.454.545**		**297.474.222**		**243.725.832**
I.1	**Nhà cửa, vật kiến trúc**			-		-		-		-
I.2	**Máy móc, thiết bị**			**180.221.315**		**13.454.545**		**137.222.224**		**56.453.636**
1	Máy toàn đạc điện tử GTS 236 N	Cái	1	96.300.000	-	-	1	96.300.000	-	-
2	Máy in A3 HP 5200 phòng Kthuật	Cái	1	22.285.860	-	-	1	22.285.860	-	-
3	Máy phát điện	Cái	1	18.636.364	-	-	1	18.636.364	-	-
4	Mua máy Photocopy Toshiba	Cái	1	30.000.000	-	-	-	-	1	30.000.000
5	Máy in A3 Canoon 3500	Cái	1	12.999.091	-	-	-	-	1	12.999.091
6	Máy in Epson W1560	Cái	-	-	1	13.454.545	-	-	1	13.454.545
I.3	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**			-		-		-		-
I.4	**Thiết bị quản lý**			**347.524.194**		-		**160.251.998**		**187.272.196**
1	Máy điều hòa	Bộ	5	70.588.363	-	-	2	26.624.727	3	43.963.636
2	Đèn chiếu Panasonic, phông màng	Bộ	1	15.503.367	-	-	-	-	1	15.503.367
3	Salon gỗ	Bộ	1	12.272.727	-	-	-	-	1	12.272.727
6	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	37.323.376	-	-	-	-	3	37.323.376
7	Máy vi tính xách tay	Bộ	14	211.836.361	-	-	9	133.627.271	5	78.209.090
I.5	**Tài sản cố định khác**			-		-		-		-
II	**Tài sản cố định vô hình**			**16.065.000**		**10.000.000**		**16.065.000**		**10.000.000**
1	Phần mềm thiết kế đường NOVA	Bộ	1	16.065.000	-	-	1	16.065.000	-	-
2	Phần mềm Nova TDN road 2017	Bộ	-	-	1	10.000.000		-	1	10.000.000
	Tổng Cộng			**543.810.509**		**23.454.545**		**313.539.222**		**253.725.832**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Nguyễn Thị Bé
Kế toán Trưởng

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 25 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU B06-H**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã điện bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng.
- Lập dự án đầu tư công trình
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
- Thiết kế quy hoạch
- Thiết kế xây dựng công trình
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình
- Giám sát thi công xây dựng công trình
- Khảo sát xây dựng công trình

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trung tâm áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hệ thống sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp, Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B06-H**

3. **Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp theo)**

Khung thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình được xác định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 áp dụng cho doanh nghiệp.

	Năm 2018
	(Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền phần mềm.

4. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

III. THÔNG TIN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Các chỉ tiêu chi tiết**

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 01/01/2018	Tại ngày 30/06/2018
A	B	C	1	2
I	**Tiền**	**01**	**7.318.279.553**	**5.938.995.113**
	- Tiền mặt tồn quỹ		209.215.589	22.192.396
	- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc		7.109.063.964	5.916.802.717
II	**Vật tư tồn kho**	**11**	-	-
III	**Nợ phải thu**	**21**	**1.172.305.227**	**2.499.073.601**
	- Phải thu của khách hàng		969.445.750	788.066.000
	- Phải thu khác		-	1.711.007.601
	- Trả trước cho người bán		202.859.477	-
IV	**Nợ phải trả**	**31**	**6.618.116.230**	**6.185.050.694**
	- Khách hàng ứng trước		2.104.406.921	2.938.727.921
	- Phải trả người cung cấp		423.440.185	-
	- Phải trả khác		4.090.269.124	3.246.322.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B06-H**

2. Tình hình tăng giảm các quỹ

TT	Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ ổn định thu nhập	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ Cải cách tiền lương	Tổng số
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Số dư tại 01/01/2018	230.287.635	52.962.500	510.049.100	1.430.704.738	1.006.144.721	3.230.148.694
2	Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
3	Số giảm trong kỳ	230.287.635	51.000.000	365.000.000		-	646.287.635
4	**Số dư tại ngày 30/06/2018**	**-**	**1.962.500**	**145.049.100**	**1.430.704.738**	**1.006.144.721**	**2.583.861.059**

3. Tình hình thực hiện nộp NSNN và cấp trên

TT	Chỉ tiêu	Số phải nộp tại 01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp tại ngày 30/06/2018
		VND	VND	VND	VND
I	**Nộp ngân sách**				
	- Thuế môn bài	-	1.000.000	1.000.000	-
	- Thuế GTGT	342.458.974	77.871.456	420.330.430	-
	- Thuế TNDN	216.713.426	-	210.998.960	5.714.466
II	**Nộp cấp trên**	-	-	-	-
	Cộng	**559.172.400**	**78.871.456**	**632.329.390**	**5.714.466**

IV. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày 30/06/2018, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATAX.

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 25/03/2019

PHỤ LỤC 01

Bản cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn được chuyển đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**8.438.068.714**	**10.192.277.179**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**3.371.063.513**	**4.902.539.553**
1. Tiền	111	V.1a	612.677.319	1.391.297.778
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	2.758.386.194	3.511.241.775
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.567.931.600**	**2.415.740.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.567.931.600	2.415.740.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.499.073.601**	**2.873.997.626**
1. Phải thu của khách hàng	131		788.066.000	969.445.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	202.859.477
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	1.711.007.601	1.701.692.399
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**139.542.575**	**215.160.145**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**21.630.000**	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	21.630.000	-
- Nguyên giá	222		60.900.000	126.300.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(39.270.000)	(126.300.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**117.912.575**	**215.160.145**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		117.912.575	215.160.145
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**8.577.611.289**	**10.407.437.324**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**6.337.776.760**	**7.970.587.865**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**6.337.776.760**	**7.970.587.865**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	423.440.185
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.5	2.938.727.921	2.104.406.921
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.6	5.714.466	559.172.400
4. Phải trả người lao động	314	V.7	145.049.100	510.049.100
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.8	3.246.322.773	4.090.269.124
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.962.500	283.250.135
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.239.834.529**	**2.436.849.459**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.239.834.529**	**2.436.849.459**
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.430.704.738	1.430.704.738
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.006.144.721	1.006.144.721
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(197.014.930)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(197.014.930)	-
II. Nguồn kinh phí và quĩ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.577.611.289**	**10.407.437.324**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 25/03/2019

THUYẾT MINH BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

1. Thông tin khái quát

Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trụ sở của Trung tâm đóng tại số Ngã tư Điện ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Trung tâm thực hiện hoạt động chuẩn bị mặt bằng nói chung và kinh tế tổng hợp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trung tâm không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm diễn ra bình thường, không có gì ảnh hưởng bến Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Trung tâm là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trung tâm trình bày lại Báo cáo tài chính năm 2017 theo hướng dẫn Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Trung tâm và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất mà giá gốc của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thoả mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Xác định nguyên giá trong một số trường hợp sau đây:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

	Năm 2018
	(Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

5. Nguyên tắc nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Trung tâm, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trung tâm có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: (1) phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa. (3) doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, (4) Trung tâm đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, (5) xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Trung tâm tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a. Tiền

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	22.192.396	209.215.589
Tiền gửi ngân hàng	590.484.923	1.182.082.189
Cộng	**612.677.319**	**1.391.297.778**

b. Các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn 3 tháng	2.758.386.194	3.511.241.775
Cộng	**2.758.386.194**	**3.511.241.775**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2.567.931.600	2.567.931.600	2.415.740.000	2.415.740.000
Cộng	**2.567.931.600**	**2.567.931.600**	**2.415.740.000**	**2.415.740.000**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018		Tại ngày 01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ứng trước chi phí khoán thực hiện công trình	1.711.007.601	-	1.701.692.399	-
Cộng	**1.711.007.601**	**-**	**1.701.692.399**	**-**

4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	TB, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2018	**126.300.000**	**-**	**126.300.000**
Tăng trong kỳ	**-**	**30.900.000**	**30.900.000**
- Tăng khác	-	30.900.000	30.900.000
Giảm trong kỳ	**96.300.000**	**-**	**96.300.000**
- Thanh lý, nhượng bán	96.300.000	-	96.300.000
Số dư tại ngày 30/06/2018	**30.000.000**	**30.900.000**	**60.900.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2018	**126.300.000**	**-**	**126.300.000**
Tăng trong kỳ	**-**	**9.270.000**	**9.270.000**
- Trích khấu hao		9.270.000	9.270.000
Giảm trong kỳ	**96.300.000**	**-**	**96.300.000**
- Thanh lý, nhượng bán	96.300.000	-	96.300.000
Số dư tại ngày 30/06/2018	**30.000.000**	**9.270.000**	**39.270.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2018	**-**	**-**	**-**
Tại ngày 30/06/2018	**-**	**21.630.000**	**21.630.000**

5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
BQL dự án Khu TĐC Làng Chài phường Cẩm An	103.730.000	203.730.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Bàn	297.875.000	239.000.000
Công ty Cổ phần Phú Gia Thịnh	786.282.000	721.658.000
Công ty CP Smart	394.059.500	394.059.500
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Bách Đạt	378.013.380	45.013.380
Ban QL ĐTXD Điện Bàn	248.467.000	200.000.000
Công ty CP BĐS Canvin	220.061.000	17.976.000
BQL dự án đầu tư và xây dựng TP Hội An	196.940.000	196.940.000
Các đối tượng khác	313.300.041	86.030.041
Cộng	**2.938.727.921**	**2.104.406.921**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 01/01/2018	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Tại ngày 30/06/2018
	VND		VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	342.458.974	77.871.456	420.330.430	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	216.713.426	-	210.998.960	5.714.466
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.000.000	1.000.000	-
Cộng	**559.172.400**	**78.871.456**	**632.329.390**	**5.714.466**

7. Phải trả người lao động

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Quỹ ổn định thu nhập	145.049.100	510.049.100
Cộng	**145.049.100**	**510.049.100**

8. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2018	Tại ngày 01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả các khoản chi phí khoán thực hiện công trình	3.246.322.773	4.057.834.264
Các khoản phải trả khác (dư có TK 1388)	-	32.434.860
Cộng	**3.246.322.773**	**4.090.269.124**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN NGỌC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 0000109
Quyển: 01 Ngày: 06-11-2019
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thị Sáu

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay
	VND
Giám đốc Trần Lê Hải Đảo	179.485.242
Phó Giám đốc Võ Sỹ Trúc Linh	225.536.422
Cộng	**405.021.664**

(*) Thu nhập của Ban Giám đốc bao gồm cả lương và các công việc thực hiện theo quy chế khoán của Trung tâm.

2. Những sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày 30/06/2018, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Nguyễn Thị Bé	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Kế toán Trưởng*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 25 03 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92, đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: (0236)3 639 639 - **Fax**: (0236)3 639 638 - **Email**: atax@ atax.vn - **Website**: www.atax.vn
VPĐD tại tỉnh Quảng Ngãi: Số 195 Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi
VPĐD tại TP Hà Nội: Tầng 1, Tòa nhà Platinum Residences, Số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/07/2018 ĐẾN 31/12/2018

"Chất lượng tạo nên sự khác biệt"

MỤC LỤC

NỘI DUNG		TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC		1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN		2 – 3
BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN TẠI NGÀY 31/12/2018	(MẪU B01 – H)	4 – 6
BÁO CÁO THU – CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/07/2018 ĐẾN 31/12/2018	(MẪU B03 – H)	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TSCĐ CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ 01/07/2018 ĐẾN 31/12/2018	(MẪU B04 – H)	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	(MẪU B06 – H)	9 – 11
PHỤ LỤC 1		12 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện bàn đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Trung tâm trong cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018 như sau:

Ban Giám đốc:

Ông Trần Lê Hải Đảo	Giám đốc
Ông Võ Sỹ Trúc Linh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trung tâm trong năm. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp cho rằng Trung tâm sẽ không thể tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trung tâm đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trung tâm ở bất kỳ thời điểm nào và rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trung tâm và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc

Quảng Nam, ngày 15 tháng 07 năm 2019

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN
Trụ sở chính: Lô A92, đường 30/4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng
Tel: (0236)3 639 639 - **Fax**: (0236)3 639 638 - **Email**: atax@atax.vn - **Website**: www.atax.vn
VPĐD tại tỉnh Quảng Ngãi: Số 195 Quang Trung, Phường Lê Hồng Phong, TP. Quảng Ngãi
VPĐD tại TP Hà Nội: Tầng 1, Tòa nhà Platinum Residences, Số 06 Nguyễn Công Hoan, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Số: 198 - TC19/BC-ATAX *Đà Nẵng, ngày 30 tháng 07 năm 2019*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn (sau đây gọi tắt là "Trung tâm"), được lập tại ngày 29/07/2019, từ trang 04 đến trang 11, bao gồm Bảng cân đối tài khoản, Báo cáo thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tình hình tăng giảm tài sản cố định và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 16.287.654 VND, vì tại thời điểm đó, chúng tôi chưa được bổ nhiệm làm kiểm toán cho Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thỏa mãn tính hiện hữu và tính đúng đắn của tài sản trên tại ngày 31/12/2018.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như tình hình thu chi hoạt động sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ ATAX

Kiểm toán viên	Phó Tổng Giám đốc
Trương Văn Minh	**Phan Văn Liêm**
Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán	*Giấy CN đăng ký hành nghề kiểm toán*
Số: 2952-2019-105-1	*Số: 2944-2019-105-1*

S.Đ.K.K.D: 0400544325 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ A.T.A.X
Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-H

Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/07/2018		Số phát sinh		Số dư tại 31/12/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	A. Các tài khoản trong bảng						
111	**Tiền mặt**	**22.192.396**	-	**895.299.159**	**901.203.901**	**16.287.654**	-
1111	Tiền Việt Nam	22.192.396	-	895.299.159	901.203.901	16.287.654	-
112	**Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc**	**5.916.802.717**	-	**1.496.400.695**	**2.294.556.910**	**5.118.646.502**	-
1121	Tiền Việt Nam	5.916.802.717	-	1.496.400.695	2.294.556.910	5.118.646.502	-
211	**TSCĐ hữu hình**	**243.725.832**	-	-	**88.762.197**	**154.963.635**	-
2112	Máy móc, thiết bị	56.453.636	-	-	37.323.376	19.130.260	-
2114	Thiết bị, dụng cụ quản lý	187.272.196	-	-	51.438.821	135.833.375	-
213	**TSCĐ vô hình**	**10.000.000**		-	-	**10.000.000**	-
214	**Hao mòn TSCĐ**	-	**170.009.015**	**88.762.197**	**17.289.545**	-	**98.536.363**
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	-	170.009.015	88.762.197	14.789.545	-	96.036.363
2142	Hao mòn TSCĐ vô hình	-	-	-	2.500.000	-	2.500.000
311	**Các khoản phải thu**	**788.066.000**	**2.938.727.921**	**2.179.556.154**	**1.112.377.651**	**970.362.129**	**2.053.845.547**
3111	Phải thu của khách hàng	788.066.000	2.938.727.921	2.061.095.614	939.084.114	967.953.958	1.996.604.379
3118	Phải thu khác	-	-	82.408.171	137.241.168	2.408.171	57.241.168
331	**Các khoản phải trả**	**1.711.007.601**	**3.246.322.773**	**451.300.660**	**1.299.013.110**	**1.498.339.247**	**3.881.366.869**
3311	Phải trả người cung cấp	-	-	-	-	-	-
3318	Phải trả khác	1.711.007.601	3.246.322.773	451.300.660	1.299.013.110	1.498.339.247	3.881.366.869

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-H
Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/07/2018		Số phát sinh		Số dư tại 31/12/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
332	**Các khoản phải nộp theo lương**	-	-	**141.257.509**	**143.142.108**	-	**1.884.599**
3321	Bảo hiểm xã hội	-	-	106.541.771	108.426.370	-	1.884.599
3322	Bảo hiểm y tế	-	-	18.801.489	18.801.489	-	-
3323	Kinh phí công đoàn	-	-	7.558.032	7.558.032	-	-
3324	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	8.356.218	8.356.218	-	-
333	**Các khoản phải nộp nhà nước**	-	**5.714.466**	**135.381.529**	**244.446.089**	**122.218.314**	**236.997.340**
3331	Thuế GTGT phải nộp	-	-	(51.062.465)	185.934.875	-	236.997.340
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	-	-	(51.062.465)	*185.934.875*	-	*236.997.340*
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.714.466	129.202.826	56.271.634	67.216.726	-
3335	Thuế thu nhập cá nhân	-	-	57.241.168	2.239.580	55.001.588	-
3338	Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
334	**Phải trả công chức, viên chức**	-	-	**474.413.760**	**416.436.054**	**57.977.707**	-
3341	Phải trả công chức, viên chức	-	-	474.413.760	416.436.054	57.977.707	-
421	**Chênh lệch thu, chi chưa xử lý**	**197.014.930**	-	**522.590.513**	-	**719.605.443**	-
4212	Chênh lệch thu, chi hoạt động sản xuất, kinh doanh	197.014.930	-	522.590.513	-	719.605.443	-
431	**Các quỹ**	-	**2.583.861.059**	**147.011.600**	-	-	**2.436.849.459**
4312	Quỹ phúc lợi	-	1.962.500	1.962.500	-	-	-
4313	Quỹ ổn định thu nhập	-	145.049.100	145.049.100	-	-	-
4314	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	1.430.704.738	-	-	-	1.430.704.738
4315	Quỹ Cải cách tiền lương	-	1.006.144.721	-	-	-	1.006.144.721

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-H
Đơn vị: VNĐ

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư tại 01/07/2018		Số phát sinh		Số dư tại 31/12/2018	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
531	**Thu hoạt động sản xuất, kinh doanh**	-	-	**1.922.438.111**	**1.922.438.111**	-	-
5313	Thu hoạt động tư vấn KHCN	-	-	1.922.438.111	1.922.438.111	-	-
631	**Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh**	-	-	**2.527.916.427**	**2.527.916.427**	-	-
63133	Chi hoạt động Tư vấn KHCN	-	-	2.471.536.793	2.471.536.793	-	-
63139	Chi khác	-	-	56.379.634	56.379.634	-	-
643	**Chi phí trả trước**	**55.825.758**	-	-	**14.746.211**	**41.079.547**	-
	Cộng	**8.944.635.234**	**8.944.635.234**	**10.982.328.314**	**10.982.328.314**	**8.709.480.177**	**8.709.480.177**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Phụ trách kế toán

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO THU, CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018

MẪU B03-H
Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Hoạt động sản xuất cung ứng dịch vụ
1	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối kỳ trước chuyển sang (*)**	01	
2	**Thu trong kỳ**	**02**	**1.722.438.111**
	Lũy kế từ đầu năm	03	2.732.016.988
3	**Chi trong kỳ**	**04**	**2.245.028.624**
	Trong đó:		
	Giá vốn hàng bán	05	1.966.796.060
	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý	06	278.232.564
	Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07	-
	Lũy kế từ đầu năm	08	3.451.622.431
4	**Chênh lệch thu lớn hơn chi kỳ này**	**09**	**(522.590.513)**
	Lũy kế từ đầu năm	10	(719.605.443)
5	**Nộp NSNN kỳ này**	**11**	-
	Lũy kế từ đầu năm	12	-
6	**Nộp cấp trên kỳ này**	**13**	-
	Lũy kế từ đầu năm	14	-
7	**Bổ sung nguồn kinh phí kỳ này**	**15**	-
	Lũy kế từ đầu năm	16	-
8	**Trích lập các quỹ kỳ này**	**17**	-
	Lũy kế từ đầu năm	18	-
9	**Số chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ**	**19**	**(719.605.443)**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Giám đốc

Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018

Mẫu B04 - H
Đơn vị: VNĐ

STT	- Loại tài sản cố định - Nhóm tài sản cố định	ĐVT	Tại ngày 01/07/2018		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Tại ngày 31/12/2018	
			SL	GT	SL	GT	SL	GT	SL	GT
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
I	**Tài sản cố định hữu hình**			**243.725.832**		-		**88.762.197**		**154.963.635**
I.1	**Nhà cửa, vật kiến trúc**			-		-		-		-
I.2	**Máy móc, thiết bị**			**56.453.636**		-		**12.999.091**		**43.454.545**
1	Mua máy Photocopy Toshiba	Cái	1	30.000.000	-	-	-	-	1	30.000.000
2	Máy in A3 Canoon 3500	Cái	1	12.999.091	-	-	1	12.999.091	-	-
3	Máy in Epson W1560	Cái	1	13.454.545	-	-	-	-	1	13.454.545
I.3	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**			-		-		-		-
I.4	**Thiết bị quản lý**			**187.272.196**		-		**75.763.106**		**111.509.090**
1	Máy điều hòa	Bộ	3	43.963.636	-	-	1	10.663.636	2	33.300.000
2	Đèn chiếu Panasonic, phông màng	Bộ	1	15.503.367	-	-	1	15.503.367	-	-
3	Salon gỗ	Bộ	1	12.272.727	-	-	1	12.272.727	-	-
4	Máy vi tính để bàn	Bộ	3	37.323.376	-	-	3	37.323.376	-	-
5	Máy vi tính xách tay	Bộ	5	78.209.090	-	-	-	-	5	78.209.090
I.5	**Tài sản cố định khác**			-		-		-		-
II	**Tài sản cố định vô hình**			**10.000.000**		-		-		**10.000.000**
1	Phần mềm Nova TDN road 2017	Bộ	1	10.000.000	-	-	-	-	1	10.000.000
	Tổng Cộng			**253.725.832**		-		**88.762.197**		**164.963.635**

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Người lập biểu

Hồ Thị Thúy Quỳnh
Phụ trách kế toán

ỦY BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Trần Lê Hải Đảo
Giám đốc
Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B06-H

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Trung tâm tư vấn xây dựng Thị xã Điện Bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trung tâm thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chuẩn bị mặt bằng,
- Lập dự án đầu tư công trình,
- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,
- Thiết kế quy hoạch,
- Thiết kế xây dựng công trình,
- Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình,
- Giám sát thi công xây dựng công trình,
- Khảo sát xây dựng công trình.

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trung tâm áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hệ thống sổ kế toán và Báo cáo tài chính của Trung tâm được lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị hành chính sự nghiệp, Thông tư 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) MẪU B06-H

3. **Tài sản cố định hữu hình và hao mòn (tiếp theo)**

Khung thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình được xác định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 áp dụng cho doanh nghiệp.

	Năm 2018
	(Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền phần mềm.

4. **Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

III. THÔNG TIN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. **Các chỉ tiêu chi tiết**

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Tại ngày 01/07/2018	Tại ngày 31/12/2018
A	B	C	1	2
I	**Tiền**	**01**	**5.938.995.113**	**5.134.934.156**
	- Tiền mặt tồn quỹ		22.192.396	16.287.654
	- Tiền gửi Ngân hàng, Kho bạc		5.916.802.717	5.118.646.502
II	**Vật tư tồn kho**	**11**	-	-
III	**Nợ phải thu**	**21**	**2.499.073.601**	**2.468.701.376**
	- Phải thu của khách hàng		788.066.000	967.953.958
	- Phải thu khác		1.711.007.601	1.500.747.418
IV	**Nợ phải trả**	**31**	**6.185.050.694**	**5.935.212.416**
	- Khách hàng ứng trước		2.938.727.921	1.996.604.379
	- Phải trả khác		3.246.322.773	3.938.608.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo) **MẪU B06-H**

2. Tình hình tăng giảm các quỹ

TT	Chỉ tiêu	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ ổn định thu nhập	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Quỹ Cải cách tiền lương	Tổng số
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
1	Số dư tại 01/07/2018	-	1.962.500	145.049.100	1.430.704.738	1.006.144.721	2.583.861.059
2	Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
3	Số giảm trong kỳ		1.962.500	145.049.100	-	-	147.011.600
4	**Số dư tại ngày 31/12/2018**	-	-	-	**1.430.704.738**	**1.006.144.721**	**2.436.849.459**

3. Tình hình thực hiện nộp NSNN và cấp trên

TT	Chỉ tiêu	Số phải nộp tại 01/07/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp tại ngày 31/12/2018
		VND	VND	VND	VND
I	**Nộp ngân sách**				
	- Thuế môn bài	-	-	-	-
	- Thuế GTGT	-	185.934.875	(51.062.465)	236.997.340
	- Thuế TNDN	5.714.466	56.271.634	129.202.826	(67.216.726)
II	**Nộp cấp trên**	-	-	-	-
	Cộng	**5.714.466**	**244.446.089**	**135.381.529**	**114.779.026**

IV. THÔNG TIN KHÁC

1. Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Sau ngày 31/12/2018, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Thông báo số 41/TB-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Tại ngày 09/07/2019, Chi cục thuế thị xã Điện Bàn đã kết thúc công việc kiểm tra thuế tại Trung tâm và đã ra quyết định số 2155/QĐ-CCT - về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Theo đó, Trung tâm cần phải nộp bổ sung số thuế truy thu và tiền phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 52.683.224 VND.

2. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính năm trước được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn thuế ATAX.

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

PHỤ LỤC 01

Bản cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện Bàn được chuyển đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/07/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**7.783.831.554**	**8.438.068.714**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**2.567.002.556**	**3.371.063.513**
1. Tiền	111	V.1a	377.443.845	612.677.319
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	2.189.558.711	2.758.386.194
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**2.567.931.600**	**2.567.931.600**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	2.567.931.600	2.567.931.600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**2.526.679.084**	**2.499.073.601**
1. Phải thu của khách hàng	131		967.953.958	788.066.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.558.725.126	1.711.007.601
IV. Hàng tồn kho	**140**		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**122.218.314**	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.5	122.218.314	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**107.506.817**	**139.542.575**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**18.540.000**	**21.630.000**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	18.540.000	21.630.000
- Nguyên giá	222		60.900.000	60.900.000
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(42.360.000)	(39.270.000)
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**88.966.817**	**117.912.575**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		88.966.817	117.912.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**7.891.338.371**	**8.577.611.289**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/07/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**6.174.094.355**	6.337.776.760
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**6.174.094.355**	**6.337.776.760**
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.4	1.996.604.379	2.938.727.921
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.5	236.997.340	5.714.466
3. Phải trả người lao động	314		-	145.049.100
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.6	3.940.492.636	3.246.322.773
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	1.962.500
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.717.244.016**	**2.239.834.529**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**1.717.244.016**	**2.239.834.529**
1. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.430.704.738	1.430.704.738
2. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.006.144.721	1.006.144.721
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(719.605.443)	(197.014.930)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(197.014.930)	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(522.590.513)	(197.014.930)
II. Nguồn kinh phí và quĩ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**7.891.338.371**	**8.577.611.289**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*
		Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

UỶ BAN NHÂN DÂN T.X ĐIỆN BÀN T. QUẢNG NAM
TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018

MẪU B02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	VI.1	**1.722.158.811**	**1.009.578.877**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**		**1.722.158.811**	**1.009.578.877**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.966.796.060	1.010.279.574
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**(244.637.249)**	**(700.697)**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		**279.300**	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		221.852.930	196.354.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	**30**		**(466.210.879)**	**(197.054.930)**
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		108.000	-
13. Lợi nhuận/ (Lỗ) khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(108.000)**	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**(466.318.879)**	**(197.054.930)**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.3	56.271.634	-
16 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**(522.590.513)**	**(197.054.930)**

Hồ Thị Thúy Quỳnh	Hồ Thị Thúy Quỳnh	Trần Lê Hải Đảo
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*

Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

THUYẾT MINH BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM

1. Thông tin khái quát

Trung tâm tư vấn xây dựng thị xã Điện bàn (gọi tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản theo quy định của Nhà nước.

Trung tâm được thành lập theo quyết định số 15934/QĐ-UBND ngày 18/09/2017 của UBND thị xã Điện Bàn trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Tư vấn xây dựng thuộc Ban Quản lý Phát triển đô thị mới Điện Nam - Điện Ngọc được chuyển giao tại quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 23/06/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Trụ sở của Trung tâm đóng tại số Ngã tư Điện ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh

Trung tâm thực hiện hoạt động chuẩn bị mặt bằng nói chung và kinh tế tổng hợp.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Trung tâm không quá 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm diễn ra bình thường, không có gì ảnh hưởng bến Báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán tại Trung tâm là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Trung tâm trình bày lại Báo cáo tài chính năm 2017 theo hướng dẫn Thông tư 200/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc nợ phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Trung tâm và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất mà giá gốc của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ. Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, cùng chi phí bán hàng và phân phối phát sinh. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn luỹ kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ chi phí doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ngày ghi nhận ban đầu được tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các khoản chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản. Chi phí phát sinh khi ghi nhận chi phí ban đầu không thoả mãn điều kiện này thì được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Xác định nguyên giá trong một số trường hợp sau đây:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính cho nhóm tài sản cụ thể như sau:

	Năm 2018
	(Năm)
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 9

5. Nguyên tắc nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Trung tâm, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Trung tâm có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: (1) phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; (2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, (3) doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, (4) Trung tâm đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng, (5) xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Trung tâm tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.
Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay doanh nghiệp phải chịu là 20%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

a. Tiền

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/07/2018
	VND	VND
Tiền mặt	16.287.654	22.192.396
Tiền gửi ngân hàng	361.156.191	590.484.923
Cộng	**377.443.845**	**612.677.319**

b. Các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/07/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	2.189.558.711	2.758.386.194
Cộng	**2.189.558.711**	**2.758.386.194**

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/07/2018	
	Giá gốc	GT ghi sổ	Giá gốc	GT ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	2.567.931.600	2.567.931.600	2.567.931.600	2.567.931.600
Cộng	**2.567.931.600**	**2.567.931.600**	**2.567.931.600**	**2.567.931.600**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	TB, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/07/2018	**30.000.000**	**30.900.000**	**60.900.000**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	**30.000.000**	**30.900.000**	**60.900.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư tại ngày 01/07/2018	**30.000.000**	**9.270.000**	**39.270.000**
Tăng trong kỳ	-	**3.090.000**	**3.090.000**
- Trích khấu hao		3.090.000	3.090.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2018	**30.000.000**	**12.360.000**	**42.360.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/07/2018	-	**21.630.000**	**21.630.000**
Tại ngày 31/12/2018	-	**18.540.000**	**18.540.000**

4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/07/2018 VND
BQL dự án Khu TDC Làng Chài phường Cẩm An	-	103.730.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Điện Bàn	-	297.875.000
Công ty Cổ phần Phú Gia Thịnh	721.658.000	786.282.000
Công ty CP Smart	200.000.000	394.059.500
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Bách Đạt	378.013.380	378.013.380
Ban QL DTXD Điện Bàn	84.883.000	248.467.000
Công ty CP BDS Canvin	220.061.000	220.061.000
BQL dự án đầu tư và xây dựng TP Hội An	-	196.940.000
Các đối tượng khác	391.988.999	313.300.041
Cộng	**1.996.604.379**	**2.938.727.921**

5. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại ngày 01/07/2018		Phát sinh		Tại ngày 31/12/2018	
	Phải thu	Phải trả	Đã nộp	Phải nộp	Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	236.997.340	-	236.997.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.714.466	129.202.826	56.271.634	67.216.726	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	57.241.168	2.239.580	55.001.588	-
	-	**5.714.466**	**186.443.994**	**295.508.554**	**122.218.314**	**236.997.340**

6. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/07/2018 VND
Nợ phải trả các khoản chi phí khoán thực hiện công trình	3.881.366.869	3.246.322.773
Các khoản phải khác	59.125.767	-
Cộng	**3.940.492.636**	**3.246.322.773**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

VI. THÔNG BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		**1.009.578.877**
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.722.158.811	1.009.578.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**1.722.158.811**	**1.009.578.877**

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/07/2018 đến ngày 31/12/2018	Từ 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.966.796.060	1.010.279.574
Cộng	**1.966.796.060**	**1.010.279.574**

3. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Từ 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND
A. Kết quả hoạt động kinh doanh ghi nhận theo BCTC	
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	**(466.318.879)**
B. Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế TNDN	
1. Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	**108.000**
Các khoản truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	108.000
2. Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-
3. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN chưa trừ chuyển lỗ	**(466.210.879)**
4. Lỗ từ các năm trước chuyển sang	
5. Tổng thu nhập chịu thuế TNDN (Đã trừ chuyển lỗ)	**(466.210.879)**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	5%
Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế (chưa tính số được giảm)	-
Thuế TNDN bị truy thu đã hạch toán vào chi phí trong kỳ	**56.271.634**
Thuế TNDN phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế	**56.271.634**

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Ban Giám đốc:	Từ ngày 01/07/2018 đến 31/12/2018
	VND
Giám đốc Trần Lê Hải Đao	64.548.241
Phó Giám đốc Võ Sỹ Trúc Linh	75.277.765
Cộng	**139.826.006**

THUYẾT MINH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

(*) Thu nhập của Ban Giám đốc bao gồm cả lương và các công việc thực hiện theo quy chế khoán của Trung tâm.

2. **Những sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

- Sau ngày 31/12/2018, Trung tâm sẽ tiến hành cổ phần hóa theo Thông báo số 41 TB-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Tại ngày 09/07/2019, Chi cục thuế thị xã Điện Bàn đã kết thúc công việc kiểm tra thuế tại Trung tâm và đã ra quyết định số 2155/QĐ-CCT - về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Theo đó, Trung tâm cần phải nộp bổ sung số thuế truy thu và tiền phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 52.683.224 VND (Trong đó: số tiền thuế bị truy thu là 35.828.327; tiền phạt chậm nộp và vi phạm hành chính là 16.809.897).

Hồ Thị Thúy Quỳnh	**Hồ Thị Thúy Quỳnh**	**Trần Lê Hải Đảo**
Người lập biểu	*Phụ trách kế toán*	*Giám đốc*

Quảng Nam, ngày 29 tháng 07 năm 2019

TRUNG TÂM TƯ VẤN XÂY DỰNG THỊ XÃ ĐIỆN BÀN

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐIỆN NGỌC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 00001099
Quyển: 01 Ngày 06-11-2019

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Sáu